TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan
Bà Vương Thị Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1997. Xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thế T2, sinh năm 1993. Xin vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị T thể hiện như sau:

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thế T2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2018. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thế T2 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019, hiện đang ở cùng chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tường V và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2025 của anh Lê Văn Đức thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2018. Sau khi kết hôn, anh chị bất đồng quan điểm sống nên chị T đem con về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh T2 nhận thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019, hiện đang ở cùng chị T, cô T đề nghị được trực tiếp nuôi con, anh T2 đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/9/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn L, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019. Tại địa phương, anh T2 chị T chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2019 anh chị có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ quê ở huyện Tr và ở từ đó cho đến nay. Còn cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì địa phương không nắm được. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T2 và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của địa phương là chị T và anh T2 đều có công việc ổn định, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị

T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế T2. Về con: đề nghị công nhận anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019. Đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị T không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2. Anh T2 cũng thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt cả hai bên đương sự nên không đủ điều kiện công nhận sự thuận tình ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thế T2 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019 nên công nhận cháu Nguyễn Ngọc Tường V là con chung của chị T và anh T2. Do cháu Tường V đang ở cùng mẹ và chị T mong muốn được trực tiếp nuôi con, anh T2 cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T, giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thế T2.

Về con: Công nhận anh Nguyễn Thế T2 và chị Lê Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/4/2019. Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thế T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Thế T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đức.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0000454 ngày 27/5/2025 (Chị Lê Thị T đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thế T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Th, h. H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Liên **Trịnh Thị Loan** **Lê Thị Ngọc Tú**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H. Quang, Tp. Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú